

Số: 98/ CV-BVĐT
V/v đề nghị báo giá hóa chất, vật tư
xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh hóa chất, vật tư xét
nghiệm, thiết bị y tế**

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 04/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Bệnh viện Đa khoa Đại Từ ngày 29/9/2025 về việc thống nhất danh mục, số lượng, chủng loại, nguồn kinh phí mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Đại Từ.

Bệnh viện xây dựng kế hoạch mua sắm hóa chất, vật tư y tế, thiết bị y tế năm 2026 (*theo Phụ lục đính kèm theo*).

Để có căn cứ lập kế hoạch mua sắm hóa chất, vật tư y tế, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh. Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ đề nghị các công ty cung cấp báo giá của hàng hoá trên (*Theo mẫu báo giá đính kèm theo*).

- Thời gian báo giá: Trước 17h00 ngày 10/10/2025.

- Hình thức nhận và phương thức báo giá:

+ Công ty báo giá theo từng phần của gói thầu.

+ Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Khoa Dược-KSNK, Bệnh viện Đa khoa Đại Từ; xóm Sơn Tập, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083 824 281.

+ Bản file mềm gửi vào địa chỉ mail: bvdaitu@thainguyen.gov.vn.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website bệnh viện, muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

QUYỀN GIÁM ĐỐC
Đặng Thị Vân

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: 98 /CV-BVĐT ngày 30/9/2025 của Bệnh viện đa khoa Đại Từ)

Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:



BÁO GIÁ HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2026

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đại Từ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Đại Từ, chúng tôi Công ty.... xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

1. Báo giá hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026

STT theo phần	STT theo DM	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa theo giấy phép lưu hành (hoặc 5086)	Thông số kỹ thuật	Mã hàng hóa	Số đăng ký lưu hành/ GPNK	Phân loại TTBYT	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Thông tin đã trúng thầu trong vòng 12 tháng		
														Đơn giá trúng thầu	Số, ngày QĐ	Nơi ban hành QĐ

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC HÀNG HOÁ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 98/CV- BVĐT ngày 30/9/2025 của Bệnh viện đa khoa Đại Từ)

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
Gói thầu số 1: Mua hóa chất, vật tư y tế, thiết bị y tế năm 2026 gồm 147 mặt hàng							
Phần 1. Vật tư y tế, hoá chất dùng cho chạy thận nhân tạo (gồm 6 mặt hàng)							
1	Dây truyền máu thận	650	Bộ	Bộ dây chạy thận 2 trong 1 bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, 1 transducer - Buồng nhỏ giọt: đường kính ngoài 19-30 mm; chiều dài 130mm - Có đầu transducer - Dung tích buồng nhỏ giọt: 22-25 ml - Đường kính dây bơm (8.0x12.2x400 mm) không rò rỉ máu - Dây động mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.930mm, 5 nhánh nổi - Dây tĩnh mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.030mm, 2 nhánh nổi - Thể tích mỗi: 165 ± 5% ml. - Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc, có vị trí tiêm - Tương thích với nhiều loại máy chạy thận - Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
2	Dung dịch ngâm quả lọc thận	8	Can	Peracetic acid: 4% Hydrogen Peroxide: 26% Acetic acid: 12%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 5 lít	
3	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	1.300	Can	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H2O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H2O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H2O: 38,50 g (Hoặc Glucose khan: 35,00 g) - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000ml - Tỷ lệ sử dụng Dung dịch A : Dung dịch B : Nước RO = 1 : 1,225 : 32,775 - Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 10 lít	
4	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	1.900	Can	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000ml - Tỷ lệ sử dụng Dung dịch A : Dung dịch B : Nước RO = 1 : 1,225 : 32,775 - Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 10 lít	
5	Kim chạy thận nhân tạo	7.000	Cái	Kim chạy thận nhân tạo kích thước 16Gx25x300mm, có thể xoay, có silicon bao phủ, có back eye. - ID*OD kim: 1.45*1.65±0.02mm - ID*OD dây: 3.2*5.0mm Kim làm bằng thép không gỉ, ống bằng nhựa PVC y tế.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
6	Quả lọc máu (Diện tích: 1.7 m2)	650	Quả	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone), không chứa Bisphenol-A(BPA), không DEHP. - Diện tích: 1.7 m2. - Thể tích mỗi: 108mL. - Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg). - TMP: 500mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min): Ure: 270 ml/min Creatinine : 251 ml/min Phosphate: 221 ml/min Vitamin B12: 143 ml/min. - Hệ số sàng lọc: Inulin: 0.440 Vitamin B12: 0.880 Myoglobin < 0.01 Albumin < 0.01 - Tiệt trùng: Tia Gamma	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
Phần 2. Phim x-quang kỹ thuật số (3 mặt hàng)							
1	Phim khô laser cỡ 20x25cm cho máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương	15.750	Tờ	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 150 tờ	
2	Phim nhiệt khô cỡ 20x25cm cho máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương	16.000	Tờ	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 tờ	
3	Phim khô laser cỡ 35x43cm cho máy in phim khô laser Konica hoặc tương đương	1.625	Tờ	Phim khô laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 125 tờ	
Phần 3. Vật tư y tế dùng cho mổ Phaco (gồm 10 mặt hàng)							
1	Chỉ khâu nhãn khoa số 10.0	20	Sợi	Chỉ không tiêu số 10.0, có 2 kim - Chiều dài chỉ 30cm (12") - Đường kính kim 0.15mm, Chiều dài: 6.2mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
2	Chỉ tự tiêu 8.0	20	Sợi	Chỉ tự tiêu 8.0 - Chiều dài chỉ 30 cm (12") - Đường kính kim: 0.20mm, chiều dài: 6.0mm - 3/8 đường tròn - 140 độ	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
3	Dao lạng mỏng 3.0mm	20	Cái	Dao lạng mỏng 3.0mm, 2 mặt vát, được làm bằng thép không gỉ, chống chói. Xuất xứ: G7	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
4	Dao mổ phaco 2.85mm	30	Cái	Dao mổ dùng trong phẫu thuật phaco. Kích cỡ lưỡi dao mổ: 2.85mm. Lưỡi làm bằng thép không gỉ, không gây chói; Tuân thủ OSHA và CMS; Xuất xứ: G7	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
5	Dao mổ phaco bê góc 15 độ	30	Cái	Lưỡi làm bằng thép không gỉ; Tạo độ mở rộng 15 độ, có miếng lót xếp bảo vệ lưỡi dao; 2 mặt vát. Mũi dao nhọn Tuân thủ OSHA và CMS Xuất xứ: G7	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
6	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2%	30	Ống	Chất nhầy phẫu thuật Phaco 2% + Thành phần Hypromellose Ophthalmic Solution 2,0% W/v, + Độ tập trung: 20mg/ml (2%), + Trọng lượng phân tử: 86 000 daltons, + Độ nhớt ở 27 độ C: 3000-4500cps, + Độ thẩm thấu: 250-350 mOsm / kg, + PH: 6,0-7,8 + Đóng gói: 2 ml trong túi đã tiệt trùng + Có kim bơm hút đi kèm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
7	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2.4%	15	Ống	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco 2.4% Hydroxypropyl methyl cellulose : 2.4% Độ nhầy: khoảng 6000-8000 mPas Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm / kg pH: 6.8-7.5 Thể tích: 2 ml đóng gói trong túi đã tiệt trùng Tuổi thọ: 42 tháng Thành phẩm 1 ml: Hydroxypropyl methyl cellulose: 24.00 mg - Sodium Chloride: 6.40mg - Potassium Chloride: 0.75mg - Calcium Chloride 2H2O : 0.48mg - Magnesium Chloride: 6H2O 0.3mg - Sodium acetate 3H2O: 3.9mg - Sodium citrate 2H2O: 1.70mg	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
8	Thuốc nhuộm bao Auroblue	15	Lọ	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, đóng gói trong lọ vô khuẩn, Dung tích 1 ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, một mảnh, càng đôi, không ngâm nước, lọc ánh sáng xanh, lắp sẵn	15	Cái	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu 2. Chất liệu Acrylic Hydrophobic 3. Màu vàng, lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế một mảnh, phi cầu - quang sai trung tính, 2 càng kép chữ C 5. Đường kính quang học (Optic): 6.0mm, tổng chiều dài kính 13.0mm 6. Chỉ số khúc xạ: 1.47; hằng số A: 118.9 7. Dải công suất: Từ -10D đến +35D 8. Thủy tinh thể được đặt sẵn trong dụng cụ đặt thủy tinh thể 9. Kích thước vết mổ: 2.2mm 10. Xuất xứ Châu Âu	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, ngâm nước, thiết kế hai mặt phi cầu hình nón, lọc ánh sáng xanh	30	Cái	1. Thiết kế, tính năng: thủy tinh thể đơn tiêu, mềm, 1 mảnh, phi cầu, rìa vuông 360 độ tránh đục bao sau (PCO) 2. Chất liệu: Copolymer Hydrophilic - hydrophobic acrylic, thành phần nước 25% nước 3. Lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh. 4. Hai càng, dạng càng kép khép kín, góc càng 0 độ. 5. Đường kính Optic: 6.0mm Chiều dài tổng thể: 13mm 6. Dải công suất: Từ - 10.0 D đến + 45.0D -Thiết kế quang: Mặt lõm- Mặt lồi (-10D đến -1.0D); Hai mặt lồi (0.0D đến 45.0D) 7. Chỉ số khúc xạ n: 1.46, chỉ số ABBE: 58 8. Kích thước vết mổ: 1.8mm đến 2.2mm 9. Được cung cấp kèm dụng cụ đặt thủy tinh thể nhân tạo 10. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 11. Xuất xứ: Châu Âu	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
Phần 4. Khí Oxy, khí CO2 (gồm 3 mặt hàng)							
1	Khí CO2 (Chai 40 lít)	3	Chai	Độ thuần ≥99.6%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
2	Khí oxy y tế (Chai 40 lít)	160	Chai	Độ thuần ≥99.5%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
3	Khí oxy y tế (Chai 8 lít)	50	Chai	Độ thuần ≥99.5%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
Phần 5. Vật tư y tế, hóa chất thông thường (114 mặt hàng)							
1	Acetic acid đậm đặc	90	Chai	Chai 500 ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500 ml	
2	Acid acetic 3-5%	2	Chai	3-5%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
3	Băng bột bó (10cm x 2,7m)	1.400	Cuộn		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cuộn/gói	
4	Băng bột bó (15cm x 2,7m)	1.300	Cuộn		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cuộn/gói	
5	Băng bột bó (20cm x 2,7m)	120	Cuộn		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cuộn/gói	
6	Băng dính cá nhân y tế	20.000	Miếng	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Dệm thấm dịch Máu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
7	Băng dính lụa (2,5cm x 5m)	2.600	Cuộn	Vải lụa trắng Acetate Taffeta thông thoáng, định lượng 63-69g/m ² , mật độ sợi ngang 159-173 dtex, mật độ sợi dọc 80-88 dtex nhẹ nhàng và mềm mại, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo Acrylic trọng lượng 60g poly acrylic/m ² , độ dính 540g/12mm ± 30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 cuộn	
8	Băng vải cuộn (10cm x 5m)	6.000	Cuộn		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	20 cuộn/gói	
9	Bộ nhuộm Gram	2	Bộ	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Bộ 4 chai x 250ml	
10	Bơm cho ăn 50ml	200	Cái	- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có cơ thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
11	Bơm tiêm nhựa 1 ml	3.000	Cái	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
12	Bơm tiêm nhựa 10ml	110.000	Cái	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
13	Bơm tiêm nhựa 20 ml	1.100	Cái	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
14	Bơm tiêm nhựa 50ml	350	Cái	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
15	Bơm tiêm nhựa 5ml	130.000	Cái	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
16	Bông y tế	500	Kg	- Bông hút nước (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước ≤ 10s - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong ether: ≤ 0,5% - Độ ẩm: ≤ 8%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1kg/ gói	
17	Bột talc	10	kg	Bột màu trắng, mịn	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25kg/bao	
18	Canuyn người lớn, trẻ em	50	chiếc	Các Size mã hoá theo màu chất liệu nhựa y tế. Không gây độc, không gây kích ứng, tiết trùng. 01 cái/túi	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	01 chiếc/túi	
19	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu Nylon số 2/0	100	Sợi	- Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon 2/0 dài 75cm - Kim tam giác 3/8, kim 24-26mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon. đạt chứng chỉ ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 sợi	
20	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu Nylon số 3/0	500	Sợi	- Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon 3/0 dài 75cm - Kim tam giác 3/8, kim 24-26mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon. đạt chứng chỉ ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 sợi	
21	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu Nylon số 4/0	500	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8, kim 19mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon đạt chứng chỉ ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 sợi	
22	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu Nylon số 5/0	48	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8, kim 16mm làm bằng thép không gỉ phủ silicon đạt chứng chỉ ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 sợi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
23	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Polyglactin 910 (Số 4/0)	200	Sợi	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi / hộp	
24	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Polyglactin 910 (Số 1)	200	Sợi	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi / hộp	
25	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Polyglactin 910 (Số 2/0)	200	Sợi	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi / hộp	
26	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Polyglactin 910 (Số 3/0)	200	Sợi	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi / hộp	
27	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Polyglactin 910 (Số 5/0)	48	Sợi	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi / hộp	
28	Chỉ thép phẫu thuật (số 5)	12	Sợi	Vật liệu cấu tạo: từ thép không gỉ 316LVM. Kim được làm từ thép không gỉ Series 300	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 vi, vi 4 sợi	
29	Chỉ thép phẫu thuật (số 7)	12	Sợi	Vật liệu cấu tạo: từ thép không gỉ 316LVM. Kim được làm từ thép không gỉ Series 300	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 12 vi, vi 4 sợi	
30	Chỉ tự tiêu đơn sợi catgut, các số.	150	Sợi	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu, các số	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	12 sợi/ hộp	
31	Cloramin B	350	Kg	Trong cloramin B, bột màu trắng, có >25% (27.16%) là clo hoạt tính (tốt hơn). Thùng 25 kg	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Thùng 25kg	
32	Cồn 70 độ	1.500	Lít	Nồng độ Ethanol 70 độ. Can 20L	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 20 lít	
33	Đầu côn vàng	15.000	Cái	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu - Thể tích 200ul	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1000 cái/ túi	
34	Đầu côn xanh	3.000	Cái	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. - Thể tích 1000ul	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	500 cái/ túi	
35	Dầu Parafin	2	chai	Chai 500ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
36	Dầu Parafin	200	Ống	Ống 5ml. Dung dịch trong, đóng trong ống thủy tinh, hàn kín. Vô khuẩn	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Ống 5ml	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
37	Dây thở ôxy người lớn, trẻ em	1.300	Bộ	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khía chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
38	Dây truyền dịch	28.000	Bộ	- Kim 2 cánh bướm 22G; 23G x 3/4 - Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 bộ	
39	Dây truyền máu	75	Bộ	- Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn 1800mm. Kèm kim sắc truyền 18G không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
40	Đè lưới gỗ	6.000	Cái	Hộp 100 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 cái	
41	Điện cực dán	4.200	Miếng	- Miếng dán điện cực nền xốp tự dính dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor cho người lớn - Chất liệu: Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền xốp kháng nước. - Kích thước: 4x 3.3 cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, thông thoáng, gel sử dụng ít chloride, dễ chịu cho da, nút điện cực có nắp bảo vệ. Độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi. - Dính tốt trên da lên đến 3 ngày.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
42	Đinh Kisner (các số 2.2, 2.4, 2.6, 2.8)	40	Cái	- Đinh Kisner hai đầu nhọn, được làm từ chất liệu thép không gỉ. - Đường kính 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm. Chiều dài đinh 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 cái/túi	
43	Dụng cụ phẫu thuật cầm máu Hemolock	180	Cái	- Sử dụng được trong cả phẫu thuật mổ mở và phẫu thuật nội soi - Chất Polymer không tiêu, không cản quang. - Có khoá an toàn - Khi kẹp không toả nhiệt, không gây hại các mô xung quanh. - Có bản lề di chuyển clip xung quanh vị trí kẹp trước khi khoá clip - Thiết kế kiểu răng cưa - Kẹp mạch máu từ 1-16mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	6 Cái / 1 Vi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
44	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao thiết bị y tế 10 phút	56	Can	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 5 lít	
45	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao thiết bị y tế 5 phút	26	Can	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH= 7. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 5 lít	
46	Dung dịch Lugol 2%	2	chai	Thành Phần: Iod, Kali Iodid, Tá được vừa đủ chai 500ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
47	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	24	Chai	Dung dịch rửa tay sát khuẩn chứa thành phần: Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Chai 1 lít	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 1 lít	
48	Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme	40	Chai	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa thành phần: Protease subtilisin: 6,5% w/w Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chai 1 lít	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 1 lít	
49	Dung dịch tẩy rửa Javen 10-12%	2.500	Lít	Can 30 lít.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 30 lít	
50	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	500	Cái	Khả năng lọc hiệu quả (tùy loại đạt >99,99% vi khuẩn và virus), kích thước đường kính kết nối với máy đo, chất liệu màng lọc, độ cân dòng khí	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
51	Filter lọc khuẩn cho máy mê	400	Cái	Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện - Sự kháng (tại 30LPM): 60PA - Không gian chết: 32ml - Thể tích: 250-1500ml - Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9% - Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9% - Trọng lượng: 27.9g (~28g)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	01 chiếc/túi	
52	Fuji IX (Hộp 15 gam)	2	Hộp	Vật liệu trám, hàn răng. Với độ cân quang và độ cứng cao, phù hợp khắc phục nhiều vấn đề răng vỡ nứt, bị sâu.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 15 gam	
53	Fuji VII (Hộp 15 gam)	2	Hộp	Vật liệu trám, hàn răng. Với độ cân quang và độ cứng cao, phù hợp khắc phục nhiều vấn đề răng vỡ nứt, bị sâu.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 15 gam	
54	Gạc hút y tế (khổ 0,8m)	11.000	Mét	Được sản xuất từ gạc hút nước (100% cotton). Có độ thấm hút rất cao. Độ ngậm nước >= 5gr nước/1gr gạc - Tốc độ hút nước: ≤ 5s - Chất tan trong nước < 0.5% - Độ trắng: >=80% +/- 10% - Độ ẩm: ≤ 8%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1000m/kiện	
55	Gạc phẫu thuật (10cm x 10cm x 8 lớp)	300	Miếng	- Gạc hút nước (100% cotton). Có độ thấm hút rất cao - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 -> 25g/m2 - Tốc độ hút nước: F93≤ 5s - Đóng gói 2 lớp: 1 lớp PE + 1 lớp túi giấy y tế chuyên dụng	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Gói 100 miếng	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
56	Gạc phẫu thuật (5cm x 5cm x 8 lớp)	1.000	Miếng	- Gạc hút nước (100% cotton. Có độ thấm hút rất cao - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: 23 -> 25g/m ² - Tốc độ hút nước: ≤ 5s - Đóng gói 2 lớp: 1 lớp PE + 1 lớp túi giấy y tế chuyên dụng	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Gói 100 miếng	
57	Găng tay khám chưa tiệt trùng	100.000	Đôi	Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên, phủ bột ngô chống dính, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay, không tiết trùng. Kích thước: - Bề dày: min 0,1mm - Chiều dài: 240 ± 5 mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	50 đôi/hộp	
58	Găng tay tiệt trùng	12.000	Đôi	Găng tay được Sản xuất từ nguyên liệu Latex(Cao su thiên nhiên), ly tâm 2 lần nhằm loại bỏ các tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng. Tiệt trùng: với Ethylene Oxide (EO) .	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	50 túi/hộp	
59	Gel siêu âm	20	Can	- Không gây dị ứng, không gây kích ứng da và không chứa dầu. - Gel không mùi và không độc hại	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 5 lít	
60	Gen bôi trơn KI	15	type	Bôi trơn dụng cụ y tế	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
61	Giấy điện tim 6 cần có dòng kẻ	300	tập	Kích thước 110mm * 140mm * 142 tờ, loại có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần hãng Nihon Koden, Fukuda.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Tập 142 tờ	
62	Giấy in ảnh màu mặt bóng	10.000	Tờ	Giấy in ảnh bóng 1 mặt, Định lượng: 135 gsm, Khổ giấy: A4 (297 * 210mm)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
63	Giấy in nhiệt	50	cuộn	Kích thước 58cm x30m. Hộp 10 cuộn	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 10 cuộn	
64	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo chức năng hô hấp	100	Cuộn	Kích thước 58cm x30m. Hộp 10 cuộn	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
65	Giấy in Siêu Âm	220	cuộn	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony + Dung lượng: 215 bản in / cuộn. + Kích thước 110 mm × 20 m + Quy cách: Hộp/10 cuộn	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 10 cuộn	
66	Huyết thanh mẫu (Anti A-B- AB) (BỘ 3 lọ x 10ml/lọ)	20	BỘ	Dùng để phát hiện nhóm máu A, B, AB trong mẫu máu người	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	(BỘ 3 lọ x 10ml/lọ)	
67	Huyết thanh RH (Anti D)	6	BỘ	Sử dụng để phát hiện type Rho (D) trong mẫu máu người	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	BỘ/ lọ (Lọ 10ml)	
68	Kẹp rốn	500	Cái	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 cái	
69	Khẩu trang y tế 3 lớp (tiệt trùng)	3.500	Cái	Khẩu trang kháng khuẩn được cấu tạo từ 3 lớp vải không dệt	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ gói	
70	Kim châm cứu	125.000	Cái	vô trùng, dùng một lần gồm thân kim và chân kim, đường kính thân kim từ 0.16 mm - 0.45 mm, độ dài thân kim: 1.3mm đến 100 mm. Thân kim được làm bằng thép không gỉ, cán kim được cuốn bằng sợi thép. Bao gồm các số 0.3 x 13mm; số 0.3 x 25. Độ cứng >=420 và <=680 HV (0,2kg) Giá trị Ra 0,63 Um	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 cái/túi	
71	Kim chích máu	3.500	Cái	Đóng gói: 100 cái/hộp	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	100 cái/ hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
72	Kim gây tê tùy sống các số	450	Cái	Đầu kim dạng Quinke vát 3 mặt sắc bén, chiều dài 3 1/2". Đầu kim vát 3 mặt sắc ngọt Chuôi kim cấu trúc lăng kính trong suốt, có phản quang dễ dàng phát hiện nhanh dòng chảy của thuốc hoặc dịch não tủy chảy ra. Kích Cỡ: 14G - 27G	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 cái/ hộp	
73	Kim lấy thuốc	11.000	Cái		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 cái	
74	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	800	Cái	Có đầu chụp bảo vệ bằng kim loại (dạng gồm 2 cánh tay tròn vát chéo) khi chưa sử dụng. - Đầu kim 3 mặt vát (=Tạo độ bén tối đa) giúp hạn chế tối thiểu tổn thương da - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang trên thân. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, (=Tốc độ chảy 1320 ml/giờ) - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 50 cái	
75	Kim luồn tĩnh mạch các số	1.500	Cái	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cổng các cỡ: 18G-22G Catheter bằng chất liệu FEP, có đường 2-3 cân quang BASO4. Mũi kim sắc bén, bằng thép không gỉ của Nhật Bản, tráng silicon tránh vỡ thành mạch, dễ lấy ven và giảm đau [18G; Ø (1,3 x 45)mm; 95ml/ phút]; [20G; Ø (1,1 x 32)mm; 61ml/ phút]; [22G; Ø (0,9 x 25)mm; 36ml/ phút];	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 cái	
76	Kim nha khoa	200	cái	Sản phẩm sử dụng trong gây tê nha khoa, được cắm vào ống tiêm nha khoa. Sản phẩm vô trùng	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	100 cái/ hộp	
77	Lam kính	24	Hộp	Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn. Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 72 miếng	
78	Lõi lọc pp 20 inch 5 Micron	40	cái		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Cái	
79	Lưỡi dao mổ các số	2.300	Cái	Lưỡi dao mổ làm bằng thép không gỉ hoặc thép cacbon đạt chứng chỉ ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 cái	
80	Mask khí dung Người Lớn, trẻ em	50	Cái	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
81	Mũ phẫu thuật	3.000	Cái		Bệnh viện đa khoa Đại Từ	100 cái/ gói	
82	Mũi khoan răng	50	cái	Làm bằng chất liệu thép không gỉ	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
83	Mũi khoan xương đường kính 1.5mm, dài 110mm	5	Chiếc	Mũi khoan xương đường kính 1.5mm, dài 110mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 chiếc/ túi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
84	Mũi khoan xương đường kính 2.7mm, dài 150mm.	5	Chiếc	Mũi khoan xương đường kính 2.7mm, dài 150mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 chiếc/ túi	
85	Mũi khoan xương đường kính 3.5mm, dài 150mm	5	Chiếc	Mũi khoan xương đường kính 3.5mm, dài 150mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 chiếc/ túi	
86	Muối viên tinh khiết	100	kg	Muối hoàn nguyên. Bao 25 kg	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
87	Nẹp xương cẳng chân (8 lỗ)	5	Cái	Nẹp bán hẹp (DCP) được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày 4.5 mm, rộng 12 mm, số lỗ bắt vít 8 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 16mm, trong đó khoảng cách xa nhất ở giữa nẹp là 24.5mm, chiều dài tương ứng 138mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ túi	
88	Nẹp xương cẳng tay (6 lỗ)	5	Cái	Nẹp bán nhỏ (DCP) được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày 3.5 mm, rộng 10 mm, số lỗ bắt vít 6 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 12mm, trong đó khoảng cách xa nhất ở giữa nẹp là 16mm, chiều dài tương ứng 77.5 mm, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ túi	
89	Nẹp xương cẳng tay (8 lỗ)	5	Cái	Nẹp bán nhỏ (DCP) được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày 3.5 mm, rộng 10 mm, số lỗ bắt vít 8 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 12mm, trong đó khoảng cách xa nhất ở giữa nẹp là 16mm, chiều dài tương ứng 101.5 mm, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ túi	
90	Nẹp xương đòn (6 lỗ)	5	cái	Nẹp xương đòn trái, phải được làm từ chất liệu thép không gỉ, độ dày 2.5 mm, rộng 10.2mm, số lỗ bắt vít 6 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 14mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ 90mm. Trên nẹp thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ túi	
91	Nẹp xương đùi bán rộng (10 lỗ)	5	Cái	Nẹp bán rộng (DCP) được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày 5 mm, rộng 16 mm, số lỗ bắt vít 10 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ xa nhất ở giữa nẹp là 23.5mm, chiều dài tương ứng 154 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/ túi	
92	Ống hút nhót (các số)	1.000	Cái	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 55cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. - Xuất xứ: ASEAN	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
93	Ống hút nước bọt	4	Túi	ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. Nhựa PVC chính phẩm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	100 cái/túi	
94	Ống nghiệm chống đông Natricitrat	1.700	Ống	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
95	Ống nghiệm EDTA (nắp tím)	45.000	Ống	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu tím phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm đã được hút chân không. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
96	Ống nghiệm EDTA (nắp xanh)	12.000	Ống	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
97	Ống nghiệm Heparin	70.000	Ống	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ...trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
98	Ống nghiệm nhựa có nắp dùng cho XN huyết học	1.500	Ống	Thẻ tích ống 5ml, kích thước 12x75mm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	300 cái/túi	
99	Ống nội khí quản sử dụng 1 lần	250	Cái	Được làm bằng nhựa y tế PVC, không chứa DEHP.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	01 cái/ túi	
100	Ống thông hậu môn	120	cái	các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
101	Parafin rắn	50	kg	Chất sáp mềm, màu trắng, không mùi, không vị, không tan trong nước nhưng tan trong các dung môi hữu cơ như benzen và ether	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
102	Que tăm bông vô khuẩn	300	cái	Chiều liệu ống, nắp bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 cái/túi, 100 túi/ bịch	
103	Sò (cốc) đánh bóng răng	100	cái	làm sạch mảng bám, đánh bóng bề mặt răng	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
104	Sonde cho ăn (Sonde dạ dày)	300	Cái	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
105	Sonde Foley 2 nhánh, các số	700	Cái	- Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ silicon trơn nhẵn - Đóng gói 1 chiếc/ túi	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	01 cái/ túi	
106	Sonde Nelaton vô khuẩn	300	Cái	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
107	Tay dao mổ điện dùng 1 lần	20	Cái	Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ Ø2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt. Chiều dài điện cực: 70mm. Chiều dài cáp: 3m Chiều dài tay cầm: 155mm Loại chân cầm: 3 chân tròn (3 x Ø4mm) Màu sắc: Trắng hoặc xanh dương. Tiệt trùng: Bằng khí EO	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 1 cái	
108	Than hoạt tính	5	kg	Carbon tinh khiết, Màu đen	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
109	Túi Camera mổ nội soi vô trùng	150	chiếc	Thành phần: Ống nylon: kích thước: fi 18cm x dài 230cm , có dây buộc Túi nylon: kích thước 9cm x 14cm, có dây buộc. Sản phẩm vô trùng	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1 chiếc/ gói	
110	Túi dẫn lưu (túi nước tiểu)	650	Cái	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Xuất xứ: Việt Nam	Bệnh viện đa khoa Đại Từ		
111	Viên khử khuẩn	2.400	viên	Thành phần: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 viên	
112	Vít xương cứng 3.5 mm các cỡ	70	Cái	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vạt vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dài từ 10 mm - 60 mm, bước tăng 5 mm trong dài từ 60 mm - 80 mm; bước ren 1.25mm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 cái/túi	
113	Vít xương cứng 4.5 mm các cỡ	70	Cái	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4 mm, đầu lục giác vạt vít đường kính 3.5mm, sâu 2.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.1mm, gồm cả ren 4.5mm, chiều dài từ 12mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dài từ 12 mm - 70 mm, bước tăng 5 mm trong dài từ 70 mm - 80 mm; bước ren 1.75mm.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	10 cái/túi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
114	Vôi Soda	10	Can	- Giúp hấp thụ tốt khí CO₂. - Thành phần chính là Natri Hydroxyd và Canxi Hydroxid. - Ở dạng hạt rời, kích thước 2,5-5mm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 5 lít (4,5KG)	
Phần 6. Test, sinh phẩm y tế (gồm 11 mặt hàng)							
1	Test HBsAg	3.500	Test	Là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Không phản ứng chéo với: HAV, HTLV II, Vi rút Herpes loại 1, Vi rút Herpes loại 2, HSV, EBV, CMV, Rubella, Quai bị, VZV, Staphylococcus Aureus, Staphylococcus Epidermis, Propionibacterium Acnes, Candida Albicans. - Độ nhạy tương đối 100%, Độ đặc hiệu tương đối: 100% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch hóa phát quang (CMIA). - Giới hạn phát hiện (LoD): 0.24 IU/ml với tỷ lệ dương tính từ 95% trở lên. - Thể tích mẫu sử dụng: 100µL huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần. - Không cần dung dịch đệm. - Dạng khay (Cassette). - Đạt chuẩn: ISO 13485, CFS, Trong nhóm nước OECD - Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. - Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 test/Hộp	
2	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B	1.000	Test	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên cúm A (bao gồm phân nhóm H1N1) và cúm B trong mẫu dịch tỵ hầu, dịch mũi, dịch họng hoặc dịch hút mũi. Đối với mẫu dịch tỵ hầu/dịch mũi: Cúm A: Độ nhạy: 99.50% , Độ đặc hiệu: 100.00% , Độ chính xác: 99.82% , Cúm B: Độ nhạy: 99.23% , Độ đặc hiệu: 100.00% , Độ chính xác: 99.82% . Đối với mẫu dịch họng: Cúm A: Độ nhạy: 99.01% , Độ đặc hiệu: 100.00% , Độ chính xác: 99.64% Cúm B: Độ nhạy: 99.23 % , Độ đặc hiệu: 100% , Độ chính xác: 99.82% , Đối với mẫu dịch hút mũi: Cúm A: Độ nhạy: 99.01% , Độ đặc hiệu: 100.00% , Độ chính xác: 99.64% , Cúm B: Độ nhạy: 99.23% , Độ đặc hiệu: 100.00% , Độ chính xác: 99.82% ,	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	20 test/Hộp	
3	Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày	500	Test	Khay thử xét nghiệm định tính các kháng thể (IgM, IgG và IgA) kháng H. pylori trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy > 99.9 % ; Độ đặc hiệu > 99.9% so với Sinh thiết/Mô học/RUT. Ngưỡng phát hiện: 1.21 S/CO. Huyết thanh chứa lượng kháng thể kháng H. pylori không phản ứng chéo với viêm gan A, B, C, E, HIV và Giang mai.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 test/Hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
4	Test nhanh HCV	2.500	Test	Là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút Viêm gan C (HCV) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Không phản ứng chéo với: Mẫu bệnh phẩm của phụ nữ mang thai, mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân chạy thận, Dengue, WNV IgG, YF IgG, Zika IgG, HBV, HEV IgG, EBV VCA, Varicella Zoster IgG, HSV 1 IgG, HIV 1/2, Malaria, Chlamydia Trachomatis IgG, Chlamydia Trachomatis IgM, Syphilis, Chikungunya IgG, Salmonella Typhi IgG, Rubella IgG, Brucella Abortus IgG, Vi rút parvo B19 IgM-IgG. - Độ nhạy tương đối 99.1%, Độ đặc hiệu tương đối 100% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch Điện hóa phát quang (ECLIA). - Giới hạn phát hiện (LoD): 0.23s/co. - Thê tích mẫu sử dụng: 10µL huyết thanh/huyết tương hoặc 20µL máu toàn phần. - Dạng khay (Cassette). - Đạt chuẩn ISO 13485, CFS, Trong nhóm nước OECD - Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. - Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 test/Hộp	
5	Test nhanh HIV	3.000	Test	Là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện tất cả kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Không phản ứng chéo với: Mẫu bệnh phẩm của phụ nữ mang thai, mẫu bệnh phẩm dương tính với thấp khớp, mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân chạy thận. - Không bị gây nhiễu bởi: Các mẫu tán huyết (Hemoglobin), nhiễm mỡ (Cholesterol), mật và vàng da (Bilirubin), L-Ascorbic acid. - Độ nhạy tương đối 100%, Độ đặc hiệu tương đối 100% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch Điện hóa phát quang (ECLIA). - Nhạy với giai đoạn nhiễm bệnh sớm: Giới hạn phát hiện HIV-1 là 0.31s/co và HIV-2 là 0.33s/co. - Thê tích mẫu sử dụng: 10µL huyết thanh/huyết tương hoặc 20µL máu toàn phần. - Dạng khay (Cassette). - Đạt chuẩn ISO 13485, CFS, Trong nhóm nước OECD - Có chứng nhận phân tích chất lượng COA. - Được Bộ Y Tế cấp phép lưu hành.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 test/Hộp	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
6	Test nhanh phát hiện virus Dengue	1.000	Test	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương hỗ trợ chẩn đoán các trường hợp nhiễm vi rút dengue. Độ nhạy, độ đặc hiệu: Được so sánh với phương pháp RT-PCR Độ nhạy tương đối: 98,62% , Độ đặc hiệu tương đối: 99,67% , Độ chính xác: 99,32% , Các chất không gây phản ứng chéo với: hCG, HbsAg, HIV, HCV, HAV, H.pylori, RF, Syphilis, AFP, PSA, Troponin I, YF-RDT, JE-RDT, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax Các chất không gây nhiễu: Acetaminophen 20mg/dL, Acetylsalicylic Acid 20mg/dL, Ascorbic Acid 2g/dL, Bilirubin 1g/dL, Creatin, 200mg/dL, Caffeine 20mg/dL, Gentisic Acid 20mg/dL, Hemoglobin 1000mg/dL, Albumin 6g/dL, Creatinine 442µmol/L, Glucose 5.5 mmol/L, Heparin 3000U/L, Sodium citrate 3.80%, Oxalic Acid 60mg/dL, Oxalic Acid 3.4µmol/L, Salicylic acid 4.34mmol/L, Triglyceride 37mmol/L, Cholesterol 13mmol/L, Rheumatoid factor (RF) 200UI/ml Phát hiện được tất cả các chủng: DEN-1, DEN-2, DEN-3, DEN-4	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	25 test/Hộp	
7	Test thử đường huyết	3.500	Test	- Sử dụng Men GOD, Công nghệ cảm biến sinh học, - Que test 8 điện cực bằng bạc, Công nghệ " No coding", - Loại bỏ sự ảnh hưởng của Hematocrit - Giới hạn hematocrite (đái HCT) 20-70%. đo chính xác được cho trẻ sơ sinh, phụ nữ mang thai và những người bị chứng thiếu máu - Có dung dịch kiểm chuẩn với 3 mức (thấp, trung bình và cao) - Mỗi que thử chứa các hóa chất phản ứng: Glucose oxidase <25 IU, Mediator <300 µg. - Lượng máu sử dụng rất ít chỉ 0,5 µL - Kết quả chuẩn sau 5 giây, - Cảnh báo hạ đường huyết (hypo warming), - Đánh dấu trước ăn và sau ăn - Độ chính xác $\geq 98.8\%$, kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn YSI plasma theo protocol của EN ISO 15197_2015. - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016, EC. - Hạn sử dụng (chưa mở): 24 tháng, kể từ ngày sản xuất - Hạn sử dụng (đã mở): 6 tháng, kể từ ngày mở lọ	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	50 test/ hộp	
8	Test thử ma túy 4 chân	1.000	Test	Panel thử xét nghiệm định tính MET/MOP/AMP/THC - Ngưỡng phát hiện: MET 1.000 ng/mL ; MOP: 300 ng/mL; AMP: 1.000 ng/mL; THC: 50 ng/mL; - Độ nhạy $\geq 95\%$, độ đặc hiệu $\geq 95\%$ so với phương pháp sắc ký khí/ khối phổ (GC/MS). Sản phẩm không phản ứng chéo với Acetophenetidin, Cortisone, Zomepirac, Quinidine. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 25 test	
9	Test thử Morphin /Heroin	1.000	Test	'Que thử xét nghiệm định tính Morphine (MOP) trong nước tiểu ở người - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml - Độ nhạy $\geq 95\%$, độ đặc hiệu $\geq 95.3\%$ so với phương pháp sắc ký khí/ khối phổ (GC/MS) ở ngưỡng 300ng/mL. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 50 test	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
10	Test thử ma túy 5 chân	150	Test	Panel thử xét nghiệm định tính 5 chất ma túy MOP/AMP/COD/THC/Heroin (6-MAM) trong nước tiểu ở người Là loại xét nghiệm nhanh miễn dịch sắc ký Đạt tiêu chuẩn ISO, Mẫu phẩm: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: MOP: $\leq 300\text{ng/mL}$; AMP: $\leq 500\text{ ng/mL}$; COD: $\leq 300\text{ng/mL}$; THC: $\leq 50\text{ ng/mL}$; Heroin: $\leq 10\text{ ng/mL}$ Độ nhạy tương đối: $> 99.0\%$ Độ đặc hiệu tương đối: $> 99.9\%$	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 25 test	
11	Test thử Rota vi rút	1.000	Test	định tính phát hiện vi rút Rotavirus trong mẫu phân người. Độ nhạy, độ đặc hiệu: Độ nhạy tương đối: 99,1% Độ đặc hiệu tương đối: 99,9% Độ chính xác: 99,5% Các chất không gây phản ứng chéo: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Enterococcus faecalis, Group C Streptococcus, Klebsiella pneumoniae, Branhamella catarrhalis, Candida albicans, Proteus mirabilis, Acinetobacter spp, Salmonella choleraesius, Gardnerella vaginalis, Acinetobacter Các chất không gây nhiễu: Human albumin 20mg/ml, Bilirubin 0,6mg/ml, oxalic acid 10mg/ml, Ascorbic Acid 0,2mg/ml, Hemoglobin 10mg/ml, Triglyceride 5mg/ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 20 test	
Gói thầu số 2: Mua vật tư xét nghiệm năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đại Từ							
Phần 1. Vật tư xét nghiệm cho máy điện giải đồ AUTOSISE-500 hoặc tương đương (gồm 12 mặt hàng)							
1	Dung dịch rửa protein	2	Hộp	Thành phần chính: Enzyme: Pepsin. Dilutor: KCl, NaCl, Hydrochloride acid. Hộp (3x2ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (3x2ml)	
2	Dung dịch rửa	9	Hộp	Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5% Hộp (10x5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (10x5ml)	
3	Dung dịch điện cực	4	Hộp	Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl ₂ , LiCl, chất đệm pH, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. Hộp (5x0.8ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (5x0.8ml)	
4	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca ⁺	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	
5	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl ⁻	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	
6	Điện cực xét nghiệm định lượng K ⁺	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	
7	Điện cực xét nghiệm định lượng Na ⁺	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
8	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	
9	Điện cực xét nghiệm định lượng quy chiều	2	Cái	Hộp 1 cái	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 1 chiếc	
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	36	Hộp	Thành phần chính: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l Hộp (Cal A: 650ml+ Cal B: 200ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (Cal A: 650ml Cal B: 200ml)	
11	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	13	Hộp	Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl ₂ , LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. Hộp (10x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (10x1ml)	
12	Dây bơm cho máy điện giải đồ	2	Chiếc	Dây có độ bền cao, độ đàn hồi tốt. Đầu dây có điểm nối bằng chân kim loại đảm bảo không trơn trượt trong quá trình sử dụng. Chiều dài 10.5cm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chiếc	
Phần 2. Vật tư xét nghiệm cho máy đông máu CA - 660 hoặc tương đương (gồm 8 mặt hàng)							
1	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	3.000	chiếc	Công dụng mẫu bệnh phẩm Kích thước: 6mmx25mm Dung tích: 500µl Màu sắc: Trong suốt Loại nhựa: PS	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 2000 chiếc	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng APTT	10	Hộp	Thành phần chính: R1: Ellagic Acid 0.3% , BSA 0.1% , 0.2% Sodium Azide , Buffer 3% R2: CaCl ₂ 0.025 M Hộp (5x5ml + CaCl ₂ : 5x5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (5x5ml+ CaCl ₂ : 5x5ml)	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng fibrinogen	10	Hộp	Thành phần chính: R1: Bovine Thrombin (Approximately 100 NIH Units/mi), BSA 0.5%, pH 7.2 ± 0.2 Buffers 5%,0.2% Sodium Azide, Stabilizers R2: Imidazole Buffer Solution (IBS): Imidazole buffer in saline solution, pH 7.2 ± 0.2, with 0.2% Sodium Azide as preservative Hộp (5x5ml + Buffer: 3x30ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (5x5ml + Buffer: 3x30ml)	
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng PT	8	Hộp	Thành phần chính: Recombinant hTF, BSA 0.5% CaCl ₂ 0.025 M, Buffers 3%,0.2% Sodium Azide, Stabilizers. Hộp (10x5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (10x5ml)	
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng TT	8	Hộp	Thành phần chính: Bovine Thrombin (Approximately 10 NIH Units/mi), BSA 0.5%, pH 7.2±0.2 Buffers 3%,0.2% Sodium Azide, Stabilizers. Hộp (10x5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (10x5 mL)	
6	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB mức 1	6	Hộp	Thành phần chính: Huyết tương người Chất chống đông máu natri citrat <0.4% Hộp (10x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (10x1ml)	
7	Hoá chất rửa	10	Hộp	Thành phần chính: Sodium Hypochlorite	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
8	Hoá chất rửa đầu kim hút	20	Lọ	Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0%	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 50ml	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
Phần 3. Vật tư xét nghiệm dùng cho máy huyết học (gồm 8 mặt hàng)							
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	6	Thùng	Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.1% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Quy cách Thùng 20L	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Thùng 20L	
2	Hóa chất ly giải hồng cầu	6	Chai	Thành phần chính: Detergent < 2.0% Buffer < 1.0% Quy cách Chai 500ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 3 thành phần	3	Lọ	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. Quy cách Lọ 3ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 3ml	
4	Hóa chất ly giải Hemoglobin trong máu	85	Hộp	Thành phần chính: Detergent < 4.0% Buffer < 1.0% Quy cách: Hộp 500ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
5	Hóa chất ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	100	Chai	Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0% Quy cách: Chai 1L	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 1L	
6	Hóa chất ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	80	Chai	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7% Quy cách: Chai 500ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
7	Hóa chất pha loãng	95	Thùng	Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Quy cách: Thùng 20L	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Thùng 20L	
8	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần	12	Lọ	Thành phần chính: Máu động vật có vú khoẻ mạnh (lợn), chất bảo quản và chất ổn định tế bào. Quy cách: Lọ 3ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 3ml	
Phần 4 Vật tư xét nghiệm cho máy nước tiểu Auto -100 hoặc tương đương (gồm 4 mặt hàng)							
1	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm nước tiểu mức 2	12	Ống	Thành phần: có nguồn gốc động vật, chất bảo quản và chất ổn định Ống 8ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 8ml	
2	Hóa chất rửa	26	Hộp	Thành phần chính: Sodium hydroxide, surfactant, buffer solution. Hộp 500 mL	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500 ml	
3	Ống nghiệm nước tiểu	4.000	Cái	Ống nghiệm nước tiểu Kích thước: 16x 100mm Dung tích: 15ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	250 cái/túi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
4	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	280	Hộp	Thành phần chính: Ascorbic Acid: 2,6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg. Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg; diazonium salt 0.7mg. Ketone: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg. Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 6.2mg; peroxidase 2.8mg; 4-aminoantipyrine 0.08mg. Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg; sodium poly methyl vinyl acetate maleic 16mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 2.0mg. pH: bromocresol green 0.2mg; bromxylenol blue 3.3mg. Hộp 100 test	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp 100 test	
Phần 5. Vật tư xét nghiệm cho máy sinh hóa AU-480 hoặc tương đương (gồm 36 mặt hàng)							
1	Cống đựng bệnh phẩm	2.000	Cái	Chất liệu: Nhựa PS Kích thước: 16*38mm Dung tích: 2-4ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Túi 500 cái	
2	Hóa chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	6	Hộp	Thành phần chính: Huyết thanh người. Quy cách: Hộp (4x0.5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (4x0.5ml)	
3	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	30	Lọ	Huyết thanh người dạng đông khô. Quy cách: Lọ 5ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 5ml	
4	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	8	Hộp	Thành phần chính: Huyết thanh người. Dạng đông khô. Quy cách: Hộp (L: 1x0.5ml; H: 1x0.5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (L: 1x0.5ml H: 1x0.5ml)	
5	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1	80	Lọ	Thành phần: Huyết tương người dạng đông khô Quy cách: Lọ 5ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 5ml	
6	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2	80	Lọ	Thành phần: Huyết tương người dạng đông khô Quy cách: Lọ 5ml	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Lọ 5ml	
7	Hoá chất rửa máy	38	Can	Thành phần chính: Alkali < 10.0% Hộp 2L	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Can 2L	
8	Hóa chất xét nghiệm α -Amylase	6	Hộp	Thành phần chính: MES buffer, pH 6.0 100 mmol/l NaCl 350 mmol/l Ca-Acetate 6 mmol/l Potassium thiocyanate 900 mmol/l CNP-G3 2.27 mmol/l Stabilizers and detergents > 0.1 % Quy cách: Hộp (3x60ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (3x60ml)	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid	5	Hộp	Thành phần chính: Phosphate buffer pH 7.4 50 mmol/l DHBSA* 4 mmol/l Uricase 60 U/l POD 660 U/l 4-Aminoantipyrine 1 mmol/l Preservative * 3,5-Dichloro-2-hydroxy-benzenesulfonic acid Standard: Uric acid 6 mg/dl (356.9 µmol/l) Quy cách: Hộp (4x65ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (4x65ml)	
10	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	5	Hộp	Thành phần chính: R1: Phosphate buffer 50 mmol/L NaCl 150 mmol/L R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt 5 mmol/L HCl 130 mmol/L Quy cách: Hộp (R1: 3x65ml; R2: 3x14ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 3x65ml R2: 3x14ml)	
11	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	5	Hộp	Thành phần chính: R1: EDTA-Na2 0.1 mmol/L NaCl 150 mmol/L Sulfamic acid 100 mmol/L R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt 0.5 mmol/L HCl 900 mmol/L EDTA-Na2 0.13 mmol/L Quy cách: Hộp (R1: 3x50ml ; R2: 3x10ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 3x50ml R2: 3x10ml)	
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	48	Hộp	Thành phần chính: R1: Sodium hydroxide 0.2 mol/L R2: Picric acid 20 mmol/L Standard: 2 mg/dL (177 µmol/L) Quy cách: Hộp (R1: 4x66ml; R2: 4x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 4x66ml R2: 4x16ml)	
13	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	26	hộp	Thành phần chính: R1: Pipes buffer, pH 6.9 90 mmol/l Phenol 26 mmol/l Cholesterol oxidase 200 U/l Cholesterol esterase 300 U/l Peroxidase 1250 U/l 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l R2: Cholesterol Standard 200 mg/dl (5.17mmol/l) Quy cách: hHộp (6x65ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (6x65ml)	
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	55	Hộp	Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l 4-Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Quy cách: Hộp (6x66ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (6x66ml)	
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	18	Hộp	Thành phần chính: HbA1c Reagent R1 Latex. Natri axít (0.95 g/L). HbA1c Reagent R2 Phức hợp kháng thể, kháng thể đơn dòng kháng huyết sắc tố người A1c của chuột và kháng thể IgG kháng chuột. Chất ổn định. Quy cách: Hộp (R1: 4x20ml; R2: 2x10ml; Lysing: 2x100ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	R1: 4x20ml R2: 2x10ml Lysing: 2x100ml	
16	Hóa chất xét nghiệm Protein	5	Hộp	Thành phần chính: Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Quy cách: Hộp (5x66ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (5x66ml)	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
17	Hóa chất xét nghiệm Iron	5	Hộp	Thành phần chính: R1: Acetate buffer pH 4.5 1 mol/L Thiourea 120 mmol/L R2: Ascorbic acid 240 mmol/L Ferene 3 mmol/L Thiourea 120 mmol/L Quy cách: Hộp (R1: 3x67ml; R2: 3x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 3x67ml R2: 3x16ml)	
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride	26	Hộp	Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg2+ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l Quy cách: Hộp (6x65ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (6x65ml)	
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	48	Hộp	Thành phần chính: R1: TRIS buffer pH 7.8 50 mmol/l GLDH 0.80 U/l Urease 12 U/ml R2: TRIS* buffer pH 9.6 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH 0.23 mmol/l Quy cách: Hộp (R1: 4x66ml; R2: 4x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 4x66ml R2: 4x16ml)	
20	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá	38	Lọ	Thành phần chính: Detergent < 1.0% Preservative < 10.0% Quy cách: Chai 500ml.	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chai 500ml	
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	5	Hộp	Thành phần chính: R1 Succinate buffer, pH 4.2 75 mmol/l Bromcresol green 0.15 mmo/l Brij 35 7 ml/l Detergents and stabilizers >0.1 % R2 (cat. no.: 963S): Bovine albumin concentration according to CRM 470 (IFCC) 4.0 g/dl RPPHS 91/0619 4.0 g/dl SRM 927a (NIST) 4.5 g/dl Quy cách: Hộp (6x65ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (6x65ml)	
22	Hóa chất xét nghiệm GOT(AST)	28	Hộp	Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Quy cách: Hộp (R1: 6x66ml; R2: 6x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 6x66ml R2: 6x16ml)	
23	Hóa chất xét nghiệm GPT(ALT)	28	Hộp	Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Quy cách: Hộp (R1: 6x66ml; R2: 6x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 6x66ml R2: 6x16ml)	
24	Ống đo tốc độ máu lắng	2.400	Ống	Ống thủy tinh 8x120mm chiều xạ với nút cao su butyl. Chứa tới 1,6ml máu toàn phần trong ống. Ống chứa 0,28ml natri citrat 3,2% và sẵn sàng để sử dụng. Quy cách: (100 ống/túi).	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	100 ống/túi	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	4	Hộp	Thành phần chính: Buffer pH 8.3 300 mmol/L NAD ⁺ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) ³ 200 kU/L Quy cách: Hộp (R1: 1x60ml; R2: 1x20ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 1x60ml R2: 1x20ml)	
26	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	6	Hộp	Thành phần chính: Được điều chế từ albumin huyết thanh bò có thêm chất bảo quản và chất ổn định. Amoniac / Ethanol Đối chứng chứa khối lượng phản ứng của: hỗn hợp 5-chloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one và 2-metyl-2H isothiazol-3-one (3:1) Quy cách: Hộp (1x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (1x1ml)	
27	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	6	Hộp	Được chuẩn bị từ albumin huyết thanh bò với chất bảo quản và chất ổn định. Giá trị: - Control 1: Ammonia: 85.2 µg/dl, 50.0 µmol/l. Ethyl alcohol: 37.0 mg/dl, 8.03 mmol/l - Control 2: Ammonia: 199 µg/dl, 117 µmol/l. Ethyl alcohol: 95.0 mg/dl, 20.6 mmol/l - Control 3: Ammonia: 503 µg/dl, 295 µmol/l. Ethyl alcohol: 246 mg/dl, 53.4 mmol/l Quy cách: Hộp (2x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (2x1ml)	
28	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	34	Hộp	Thành phần chính: R1: Good's buffer, pH 7.0 100 mmol/l Cholesterol oxidase >0.8 KU/l Cholesterol esterase >1.0 KU/l Catalase >500 KU/l HDCBS 0.5 mmol/l R2: Peroxidase 30 KU/l 4-Aminoantipyrine 4 mmol/l R4: HDL Cholesterol see label Quy cách: Hộp (R1: 3x50ml; R2: 2x25ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 3x50ml R2: 2x25ml)	
29	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol	34	Hộp	Thành phần chính: R1: Good's buffer, pH 7,0 50 mmol/l Cholesterol oxidase 500 U/l Cholesterol esterase 600 U/l Catalase 600 KU/l Ascorbate oxidase 3 KU/l TOOS 2 mmol/l R2: Peroxidase 4 KU/l 4-Aminoantipyrine 4 mmol/l R4: LDL Cholesterol see label Quy cách: Hộp (R1: 3x50ml; R2: 2x25ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 3x50ml R2: 2x25ml)	
30	Hóa chất xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	20	Hộp	Thành phần chính: Latex Glycine buffer (pH 8.42) Rabbit anti-human CRP sensitized latex (0.20%). Sodium azide (0.95 g/L) Buffer Sodium chloride (9 g/L) Detergent (0.1 %) Sodium azide (0.95 g/L) Quy cách: Hộp (R1: 2x25ml; R2: 2x5ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 2x25ml R2: 2x5ml)	
31	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức thấp	4	Hộp	Thành phần chính: Dung dịch pha loãng của huyết tương người và dịch màng phổi chứa CRP với dung dịch muối đệm phosphate. Chất bảo quản 0,095% natri azide. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Hộp (1x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (1x1ml)	
32	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức cao	4	Hộp	Thành phần chính: Dung dịch pha loãng của huyết tương người và dịch màng phổi chứa CRP với dung dịch muối đệm phosphate. Chất bảo quản 0,095% natri azide. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Hộp (1x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (1x1ml)	

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
33	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	8	Hộp	Quy cách: Hộp (5x1ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (5x1ml)	
34	Hóa chất xét nghiệm Gamma-GT	4	Hộp	Thành phần chính: R1: Tris Glycylglycin buffer pH 8.25 100 mmol/l R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 2.9 mmol/l Quy cách: Hộp (R1: 2x66ml; R2: 2x16ml)	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Hộp (R1: 2x66ml R2: 2x16ml)	
35	Bóng đèn	7	Chiếc	Điện áp danh nghĩa: 12,0 V Công suất danh nghĩa: 20,00 W Đường kính: 9,5 mm Chiều dài: 30,0 mm Chiều dài tâm đèn (LCL): 19,5 mm Chiều dài dây tóc: 1,90 mm Trường được chiếu sáng: 1,9*2,0 mm ² Đường kính dây tóc: 2,0 mm Tuổi thọ: 3000 giờ Đường kính vỏ đèn: 9 mm Điều chỉnh độ sáng: Có Vị trí đốt: s90	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chiếc	
36	Dây bơm cho máy sinh hoá	2	Chiếc	Dây có độ bền cao, độ đàn hồi tốt. Đầu dây có điểm nối đảm bảo không trơn tuột trong quá trình sử dụng. Chiều dài 11.5cm	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Chiếc	
Tổng cộng: 215 mặt hàng							